

# Chất lượng không khí - Nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

*Air quality - Maximum permissible concentration of hazardous substances in ambient air*

## 1. Phạm vi áp dụng.

- 1.1. Tiêu chuẩn này quy định nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh bao gồm các chất vô cơ, hữu cơ sinh ra do các hoạt động kinh tế của con người.
- 1.2. Tiêu chuẩn này áp dụng để đánh giá mức chất lượng không khí và giám sát tình trạng ô nhiễm không khí xung quanh.
- 1.3. Tiêu chuẩn này không áp dụng đối với không khí trong phạm vi các cơ sở sản xuất công nghiệp.

## 2. Giá trị giới hạn

Nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh được quy định trong bảng 1

**Bảng 1- Nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh (mg/m<sup>3</sup>)**

Thứ tự	Tên chất	Công thức hóa học	Trung bình ngày đêm	1 lần tối đa
1	2	3	4	5
1	Acrylonitril	CH <sub>2</sub> - CHCN	0,2	
2	Amoniac	NH <sub>3</sub>	0,2	0,2
3	Anilil	C <sub>6</sub> H <sub>5</sub> NH <sub>2</sub>	0,03	0,05
4	Anhydril vanadic	V <sub>2</sub> O <sub>5</sub>	0,002	0,05
5	Asen (hợp chất vô cơ tính theo As)	As	0,003	
6	Asen hydrua (asin)	AsH <sub>3</sub>	0,002	
7	Axit axetic	CH <sub>3</sub> COOH	0,06	0,2
8	Axit clohydric	HCl	0,06	
9	Axit nitric	HNO <sub>3</sub>	0,15	0,4
10	Axit sunfuric	H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	0,1	0,3
11	Benzen	C <sub>6</sub> H <sub>6</sub>	0,1	1,5
12	Bụi chứa SiO <sub>2</sub>			
	- đianas 85 – 90% SiO <sub>2</sub>		0,05	0,15
	- gạch chịu lửa 50% SiO <sub>2</sub>		0,1	0,3
	- xi măng 10% SiO <sub>2</sub> .		0,1	0,3
	- dolomit 8% SiO <sub>2</sub>		0,15	0,5
13	Bụi chứa amiăng.		không	không
14	Cadmi (khói gồm ôxít và kim loại) theo Cd		0,001	0,003
	Cacbon disunfua			
15	Cacbon tetracolorua	CS <sub>2</sub>	0,005	0,03
16	Cloroform	CCl <sub>4</sub>	2	4
17	Chitetractyl	CHCl <sub>3</sub>	0,02	
18	Clo	Pb(D <sub>2</sub> H <sub>5</sub> ) <sub>4</sub>	không	0,005
19	Benziđin	Cl <sub>2</sub>	0,03	0,1
20	Crom kim loại và hợp chất		không	không

21	1,2 Dicloetan	$\text{NH}_2\text{C}_8\text{H}_4\text{C}_8\text{H}_4\text{NH}_2$	0,0015	0,0015
22	DDT	Cr	1	3
23	Hydroflorua	$\text{C}_2\text{H}_4\text{Cl}_2$	0,5	
24	Fomaldehyl	$\text{C}_8\text{H}_{11}\text{Cl}_{14}$	0,005	0,02
25	Hydrosunfua	HF	0,012	0,012
26	Hydrocyanua	HCHO	0,008	0,008
27	Mangan và hợp chất (tính theo $\text{MnO}_2$ )	$\text{H}_2\text{S}$	0,01	0,01
28	Niken (kim loại và hợp chất)	HCN	0,01	
	Naphta	M/ $\text{MnO}_2$		
29	Phenol		0,001	
30	Styren	Ni	4	
31	Toluen		0,01	0,01
32	Tricloetylen	$\text{C}_6\text{H}_6\text{OH}$	0,003	0,003
33	Thủy ngân (kim loại và hợp chất)	$\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}-\text{CH}_2$	0,6	0,6
34	Vinyclorua	$\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}_3$	1	4
35	Xăng	$\text{ClCH}-\text{CCl}_2$	0,0003	
36	Tetraclöetylen	Hg		13
37		$\text{ClCH}-\text{CH}_2$	1,5	5,0
38		$\text{C}_2\text{Cl}_4$	0,1	

**Chú thích:** Phương pháp lấy mẫu phân tích, tính toán xác định từng thông số cụ thể được quy định trong các TCVN tương ứng.